

QUY ĐỊNH

Chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKTCNQN ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này sử dụng để quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp dạy trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, nhà giáo dạy các môn học văn hóa phổ thông trung học, nhà giáo giảng dạy nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

2. Quy định này áp dụng đối với nhà giáo, công chức, viên chức quản lý tham gia giảng dạy lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, giảng dạy các môn văn hóa trung học phổ thông và giảng dạy nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

Điều 2. Giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, quy mô lớp học

1. Giờ chuẩn là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, gồm: chuẩn bị giảng dạy; thực hiện giảng dạy; kiểm tra định kỳ kết quả học tập của mô-đun, môn học.

2. Thời gian giảng dạy được tính bằng giờ chuẩn, trong đó:

a) Đối với giờ giảng thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: 01 giờ dạy lý thuyết là 45 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn; 01 giờ dạy thực hành là 60 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn; 01 giờ dạy tích hợp (kết hợp cả lý thuyết và thực hành) là 60 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn;

b) Đối với giờ giảng các môn văn hóa: 01 tiết giảng là 45 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn.

c) Đối với giờ giảng ở các ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng: 01 giờ dạy lý thuyết, giờ giảng lý thuyết là 50 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ giảng được xác định là số giờ chuẩn mỗi nhà giáo phải giảng dạy, được quy định theo năm học.

4. Quy mô lớp học:

a) Lớp học tiêu chuẩn lý thuyết là 40 học sinh, sinh viên.

b) Lớp học tiêu chuẩn thực hành, tích hợp là 30 học sinh, sinh viên đối với các nghề bình thường; không quá 20 học sinh, sinh viên đối với các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Danh mục do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các lớp học thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA NHÀ GIÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Công tác giảng dạy bao gồm:
 - a) Chuẩn bị giảng dạy: lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, lập đề cương bài giảng, chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.
 - b) Giảng dạy môn học, mô-đun được phân công theo kế hoạch và quy định của chương trình.
 - c) Đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên gồm: soạn đề kiểm tra, coi kiểm tra, đánh giá kiểm tra định kỳ.
2. Coi thi, đánh giá kết thúc môn học, mô-đun; soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp; hướng dẫn, đánh giá chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; đánh giá kết quả nghiên cứu của học sinh, sinh viên.
3. Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định.
4. Hướng dẫn học sinh, sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập kết hợp với lao động sản xuất; ôn thi tốt nghiệp; luyện thi học sinh, sinh viên giỏi tham gia Hội thi các cấp.
5. Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý xây dựng chương trình, nội dung môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.
6. Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị dạy nghề.
7. Tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh, sinh viên.
8. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.
9. Tham gia bồi dưỡng nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của trường, khoa, bộ môn.
10. Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy.
11. Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia công tác quản lý đào tạo.
12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và yêu cầu của Hiệu trưởng.

Điều 4. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ hàng năm

1. Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 44 tuần/năm học theo chế độ làm việc 40 giờ/tuần, trong đó:
 - a) Thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, sinh viên: 32 tuần đối với nhà giáo dạy cao đẳng, 36 tuần đối với nhà giáo dạy trung cấp.

b) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học: 08 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng; 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp.

c) Thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp.

d) Trường hợp nhà giáo sử dụng không hết thời gian để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học theo quy định thì quy đổi thời gian còn lại chuyên sang làm công tác giảng dạy hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công. Số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học của nhà giáo. Tính số giờ quy đổi theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian không sử dụng để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học với thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, sinh viên được quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao vượt quá 08 tuần đối với nhà giáo dạy cao đẳng, 04 tuần đối với nhà giáo dạy trung cấp thì được giảm giờ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 của Quy định này.

3. Thời gian nghỉ hàng năm của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 08 tuần, của viên chức quản lý có tham gia giảng dạy được quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định này là 06 tuần, bao gồm nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ, trong đó:

a) Thời gian nghỉ hè thay cho nghỉ phép hàng năm, được hưởng nguyên lương và phụ cấp (nếu có);

b) Các chế độ nghỉ khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện cụ thể của năm học, Hiệu trưởng sẽ bố trí cho nhà giáo nghỉ vào thời gian thích hợp.

Điều 5. Định mức giờ giảng

1. Định mức giờ giảng của nhà giáo trong một năm học là 448 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng; 504 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp.

2. Định mức giờ giảng của nhà giáo dạy các môn chung trong một năm học là 448 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng; 504 giờ đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp.

3. Định mức giờ giảng của nhà giáo tham gia giảng dạy nhiều cấp trình độ trong một năm học được áp dụng theo định mức giờ giảng ở cấp trình độ cao nhất.

4. Định mức giờ giảng cho công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy nhằm nắm được nội dung, chương trình đào tạo và quá trình học tập của học sinh, sinh viên để nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo được quy định như sau:

a) Hiệu trưởng: 30 giờ chuẩn/năm học.

b) Phó Hiệu trưởng: 40 giờ chuẩn/năm học.

c) Trưởng phòng và tương đương: 60 giờ chuẩn/năm học.

d) Phó trưởng phòng và tương đương: 70 giờ chuẩn/năm học.

đ) Viên chức các phòng Đào tạo và Nghiên cứu khoa học, phòng Công tác Học

sinh, sinh viên, phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng: 80 giờ chuẩn/năm học.

5. Viên chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy thì căn cứ vào khối lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Hiệu trưởng có thể ký hợp đồng giảng dạy nếu có nhu cầu.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Công tác giảng dạy, bao gồm:

a) Chuẩn bị giảng dạy: Soạn giáo án, lập đề cương bài giảng, chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy mô-đun được phân công giảng dạy.

b) Giảng dạy mô-đun được phân công theo kế hoạch và quy định của chương trình;

c) Đánh giá kết quả học tập của người học gồm: Soạn đề kiểm tra, coi kiểm tra, đánh giá kiểm tra định kỳ.

2. Coi thi, kiểm tra, đánh giá kết thúc mô-đun.

3. Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định.

4. Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun được phân công giảng dạy.

5. Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp.

6. Tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện người học.

7. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn, tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

8. Tham gia bồi dưỡng cho nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

9. Tham gia công tác quản lý đào tạo, quản lý người học.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

Điều 7. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ hàng năm

1. Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp là 46 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ, trong đó:

a) Thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục người học 42 tuần.

b) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ: 02 tuần.

c) Thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 02 tuần.

d) Trường hợp nhà giáo không sử dụng hết thời gian để học tập, bồi dưỡng

chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định thì Hiệu trưởng quy đổi thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công. Số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học của nhà giáo. Tính số giờ quy đổi tỷ lệ tương ứng giữa thời gian không sử dụng để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, dự giờ trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ với thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục người học được quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao vượt quá 02 tuần thì được giảm giờ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 của Quy định này.

2. Thời gian nghỉ hàng năm của nhà giáo là 06 tuần; của công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ về đào tạo, quản lý người học có tham gia giảng dạy tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này là 05 tuần, bao gồm nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ, trong đó:

a) Thời gian nghỉ hè thay cho nghỉ phép hàng năm, được hưởng nguyên lương và phụ cấp (nếu có).

b) Các chế độ nghỉ khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng bố trí cho nhà giáo nghỉ vào thời gian thích hợp.

Điều 8. Định mức giờ giảng

1. Định mức giờ giảng của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp trong một năm học là 546 giờ chuẩn.

2. Định mức giờ giảng cho công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy nhằm nắm được nội dung, chương trình đào tạo và quá trình học tập của người học để nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo được quy định như sau:

a) Hiệu trưởng: 30 giờ chuẩn/năm.

b) Phó Hiệu trưởng: 40 giờ chuẩn/năm.

c) Trưởng phòng hoặc tương đương: 60 giờ chuẩn/năm.

d) Phó Trưởng phòng hoặc tương đương: 70 giờ chuẩn/năm.

đ) Viên chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ về đào tạo, quản lý người học: 80 giờ chuẩn/năm.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA NHÀ GIÁO DẠY CÁC MÔN VĂN HÓA PHỔ THÔNG TRUNG HỌC

Điều 9. Nhiệm vụ của giáo viên

1. Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục.

2. Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự,

uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

3. Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục.

4. Tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tham gia công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở địa phương.

6. Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành Giáo dục, các quyết định của Hiệu trưởng; thực hiện nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

. Phối hợp với Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ của giáo viên làm chủ nhiệm lớp

Ngoài các nhiệm vụ đối với giáo viên quy định tại Điều 9 của Quy định này, giáo viên làm chủ nhiệm lớp còn có những nhiệm vụ sau:

1. Tìm hiểu và nắm vững học sinh trong lớp về mọi mặt để có biện pháp tổ chức giáo dục sát với đối tượng nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của từng học sinh và của cả lớp.

2. Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, chủ động phối hợp với các giáo viên bộ môn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các đoàn thể và các tổ chức xã hội khác có liên quan trong hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh của lớp mình chủ nhiệm.

3. Nhận xét, đánh giá xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học, đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh, đề nghị danh sách học sinh được lên lớp, danh sách học sinh phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, phải ở lại lớp, hoàn chỉnh việc ghi vào sổ điểm và học bạ học sinh.

4. Tham gia hướng dẫn hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh do nhà trường tổ chức.

5. Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng.

Điều 11. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học phổ thông trong năm học là 42 tuần, trong đó:

a) 37 tuần dành cho việc giảng dạy và hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch thời gian năm học.

b) 03 tuần dành cho học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

c) 01 tuần dành cho việc chuẩn bị năm học mới.

d) 01 tuần dành cho việc tổng kết năm học.

2. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên gồm: nghỉ hè, nghỉ tết âm lịch, nghỉ học kỳ và các ngày nghỉ khác, cụ thể như sau:

a) Thời gian nghỉ hè của giáo viên thay cho nghỉ phép hằng năm là 02 tháng, được hưởng nguyên lương và các phụ cấp (nếu có).

b) Thời gian nghỉ tết âm lịch, nghỉ học kỳ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ Luật lao động.

Điều 12. Định mức tiết dạy

1. Định mức tiết dạy là số tiết lý thuyết hoặc thực hành của mỗi giáo viên phải giảng dạy trong một tuần.

2. Định mức tiết dạy của giáo viên trung học phổ thông là 17 tiết.

Điều 13. Định mức tiết dạy đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có nhiệm vụ giảng dạy một số tiết để nắm được nội dung, chương trình giáo dục và tình hình học tập của học sinh nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý.

2. Hiệu trưởng dạy 2 tiết/tuần. Phó Hiệu trưởng dạy 4 tiết/tuần.

Chương V

NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA NHÀ GIÁO DẠY Ở CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Điều 14. Nhiệm vụ của giảng viên cao đẳng sư phạm

1. Nhiệm vụ của giảng viên cao đẳng sư phạm (hạng III)

a) Giảng dạy: hướng dẫn người học làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có).

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc cho người học thông qua quá trình giảng dạy. Đánh giá kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp của người học.

c) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của chuyên ngành; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

d) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập.

đ) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

e) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nhiệm vụ của giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II)

a) Giảng dạy: hướng dẫn người học làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có).

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc cho người

học thông qua quá trình giảng dạy. Đánh giá kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp của người học. Tổ chức hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của người học để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng.

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn; thẩm định chương trình; chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

d) Tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên cao đẳng sư phạm theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục.

đ) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập.

e) Tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo).

g) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

h) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm vụ của giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I)

a) Giảng dạy: hướng dẫn người học làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có).

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc cho người học thông qua quá trình giảng dạy. Đánh giá kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp của người học. Tổ chức hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của người học để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng.

c) Chủ trì xây dựng, phát triển chương trình đào tạo chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành. Chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định chương trình, sách phục vụ đào tạo.

đ) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học; định hướng nghiên cứu khoa học cho tổ, nhóm chuyên môn; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục trong và ngoài nước.

e) Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên cao đẳng sư phạm theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục.

g) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

h) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và định mức giờ chuẩn giảng dạy

1. Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định:

a) Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy: 34 tuần.

b) Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác: 10 tuần.

2. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ cao đẳng trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ cao đẳng trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy và được quy định cụ thể:

a) Một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) cho tối đa 40 sinh viên được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy; một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy.

b) Một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ được tính bằng 2,0 giờ chuẩn giảng dạy.

4. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong một năm học là 374 giờ chuẩn giảng; trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định.

5. Trường hợp đặc biệt

a) Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc chỉ thực hiện 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy, đồng thời được miễn giảm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để dành thời gian tham gia dự giờ và tham gia thực tập, thực tế.

b) Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng

dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

Điều 15. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức dưới đây:

Stt	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể	Định mức (giờ chuẩn)
1	Chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng	56
2	Phó hiệu trưởng	74
3	Trưởng phòng và tương đương, thư ký hội đồng trường	94
4	Phó trưởng phòng và tương đương	112
5	Trưởng khoa, phó trưởng khoa và tương đương	
a)	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên	
	- Trưởng khoa	224
	- Phó trưởng khoa	262
b)	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học	
	- Trưởng khoa	262
	- Phó trưởng khoa	299
6	Trưởng bộ môn	299
7	Phó trưởng bộ môn, chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập	318
8	Bí thư đảng ủy	56
9	Phó bí thư đảng ủy	112
10	Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch hội cựu chiến binh	318
11	Phó bí thư chi bộ	337
12	Giảng viên làm công tác quốc phòng, quân sự không chuyên trách quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về công tác Quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương	299
13	Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy.	
14	Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn	

	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.
15	Giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể trong các trường cao đẳng sư phạm có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều này.

Chương VI

CHẾ ĐỘ DẠY THÊM GIỜ, GIẢM GIỜ GIẢNG VÀ QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN KHÁC RA GIỜ CHUẨN

Điều 16. Chế độ dạy thêm giờ

1. Trong năm học, nhà giáo, công chức, viên chức quản lý và viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ tham gia giảng dạy có số giờ giảng dạy vượt định mức giờ giảng quy định tại Điều 5; Điều 8; Điều 11 và Điều 12, Điều 13; Điều 14 và Điều 15 của Quy định này thì được tính là dạy thêm giờ.

2. Đối với nhà giáo: số giờ dạy thêm không vượt quá số giờ theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

3. Đối với công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban, chuyên môn, nghiệp vụ tham gia giảng dạy: số giờ dạy thêm không vượt quá 1/2 định mức giờ giảng quy định tại khoản 4 Điều 5, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 13, khoản 1 Điều 15 của Quy định này.

4. Cách tính trả lương dạy thêm giờ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Điều 17. Chế độ giảm định mức giờ giảng đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp, nhà giáo dạy các môn văn hóa phổ thông

1. Nhà giáo làm công tác quản lý:

a) Nhà giáo làm công tác chủ nhiệm lớp hoặc cố vấn học tập: Được giảm 02 giờ chuẩn/1 lớp/tuần làm việc.

b) Nhà giáo kiêm phụ trách thư viện: được giảm 30% định mức giờ giảng.

c) Nhà giáo kiêm Trưởng bộ môn và tương đương: được giảm 15% định mức giờ giảng.

d) Nhà giáo là Trưởng khoa và tương đương: Được giảm 30% định mức giờ giảng; Phó Trưởng khoa và tương đương được giảm 20% định mức giờ giảng.

2. Nhà giáo kiêm công tác Đảng, đoàn thể:

a) Nhà giáo kiêm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường được giảm 30% định mức giờ giảng; Nhà giáo kiêm cấp phó các chức danh trên hoặc thư ký Hội đồng trường được giảm 20% định mức giờ giảng.

b) Nhà giáo làm công tác công đoàn không chuyên trách được hưởng chế độ giảm định mức giờ dạy theo quy định tại Thông tư 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho nhà giáo, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Cụ thể:

- Hàng năm, Hiệu trưởng cùng với Ban chấp hành công đoàn thống nhất phương án quy định thời gian được sử dụng làm công tác công đoàn cho nhà giáo làm công tác công đoàn không chuyên trách bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ của nhà giáo (giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm các công việc khác) và quy định về tự chủ của đơn vị.

- Nếu chọn phương án giảm giờ nghiên cứu khoa học hoặc làm các công việc khác thì theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Công đoàn.

- Nếu chọn phương án giảm định mức giờ dạy thì nhà giáo làm chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cơ sở không chuyên trách được giảm 44 giờ dạy trong một năm học; nhà giáo làm ủy viên ban chấp hành, tổ trưởng, tổ phó công đoàn không chuyên trách được giảm 22 giờ dạy trong một năm học.

c) Nhà giáo là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cấp trường được hưởng chế độ giảm định mức giờ giảng theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề. Cụ thể:

- Quy mô đào tạo có từ 10000 sinh viên, học sinh trở lên:

+ Bí thư Đoàn, Trợ lý Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 70% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Bí thư Đoàn hoặc trợ lý Thanh niên cấp trường được dành 70% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

+ Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 60% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 60% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

+ Phó Chủ tịch Hội sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Phó Chủ tịch Hội sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

- Quy mô đào tạo có từ 5000 đến dưới 10000 sinh viên, học sinh:

+ Bí thư Đoàn, Trợ lý Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 60% thời

gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Bí thư Đoàn hoặc trợ lý Thanh niên cấp trường được dành 60% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

+ Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

+ Phó Chủ tịch Hội sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 40% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Phó Chủ tịch Hội sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 40% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

- Quy mô đào tạo có dưới 5000 sinh viên, học sinh:

+ Bí thư Đoàn, Trợ lý Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Bí thư Đoàn hoặc trợ lý Thanh niên cấp trường được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

+ Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 40% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 40% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

+ Phó Chủ tịch Hội sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là nhà giáo được dành 30% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là nhà giáo mà kiêm nhiệm Phó Chủ tịch Hội sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 30% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

- Đối với Liên chi đoàn thuộc Đoàn cấp trường có từ 1000 sinh viên, học sinh trở lên:

+ Bí thư Liên chi đoàn là nhà giáo được dành 40% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Bí thư Liên chi đoàn không phải là nhà giáo được dành 40% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

d) Nhà giáo là Bí thư Liên chi đoàn, Phó Bí thư Liên chi đoàn không đủ điều kiện được hưởng chế độ giảm định mức giờ giảng theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề được (Liên chi đoàn thuộc Đoàn cấp trường có dưới 1000 sinh viên, học sinh), giảm giờ chuẩn theo Kết luận tại Hội nghị Viên chức Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn năm học 2022-2023. Cụ thể: Bí thư Liên chi đoàn là nhà giáo được giảm chuẩn giảng dạy 02 giờ/tuần; Phó Bí thư Liên chi đoàn là nhà giáo được giảm chuẩn giảng dạy 01 giờ/tuần.

e) Nhà giáo kiêm nhiều chức vụ được giảm định mức giờ giảng ở mức cao nhất.

3. Không giảm trừ giờ giảng được quy định tại điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban, tổ chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại khoản 4 Điều 5, khoản 2 Điều 8, Điều 13, khoản 1 Điều 15 của Quy định này.

4. Chế độ giảm giờ giảng đối với các nhà giáo khác:

a) Nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá thời gian quy định được giảm 14 giờ/1 tuần học tập, bồi dưỡng.

b) Nhà giáo trong thời gian tập sự được giảm 30% định mức giờ giảng.

c) Nhà giáo nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ giảng.

d) Nhà giáo trong thời kỳ thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm định mức giờ giảng theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với thời gian phải thực hiện công tác giảng dạy được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 7 cho từng cấp trình độ.

đ) Các trường hợp khác không có trong Quy định này, căn cứ vào thực tế Hiệu trưởng sẽ quyết định số giờ giảm cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 18. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn

1. Giảng dạy:

a) Giảng dạy song song nhiều lớp cùng chương trình, cùng trình độ, từ lớp thứ 03 trở đi: 01 giờ dạy lý thuyết được tính bằng 0,75 giờ chuẩn.

b) Trường hợp dạy lớp có số học sinh, sinh viên vượt quá quy mô lớp học tiêu chuẩn:

- Đối với lớp học lý thuyết: có trên 40 đến 50 học viên, học sinh, sinh viên thì 01 giờ tính bằng 1,2 giờ chuẩn; có trên 50 đến 60 học sinh, sinh viên thì 01 giờ tính bằng 1,3 giờ chuẩn; có trên 60 đến không quá 80 học sinh, sinh viên thì 01 giờ tính bằng 1,5 giờ chuẩn.

- Đối với lớp học có trên 50 học viên, học sinh, sinh viên môn Giáo dục Quốc phòng – An ninh thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT-BXSB ngày 08/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng – An ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì 01 giờ được tính bằng 1,3 giờ chuẩn.

- Đối với lớp học thực hành, tích hợp thuộc các nghề bình thường có trên 30 đến không quá 40 học sinh, sinh viên thì 01 giờ tính bằng 1,3 giờ chuẩn.

- Đối với lớp học thực hành, tích hợp thuộc các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Danh mục do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành có từ trên 20 đến 30 học sinh, sinh viên thì 01 giờ tính bằng 1,3 giờ chuẩn.

c) Thời gian thiết kế, cải tiến, tự làm các trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp (cấp bộ môn trở lên phê duyệt) được tính quy đổi ra giờ chuẩn; Hiệu trưởng căn cứ theo điều kiện cụ thể để quyết định số giờ chuẩn quy đổi cho phù hợp.

d) Giảng dạy, hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

cho nhà giáo khác: 01 giờ được tính bằng 1,5 giờ chuẩn.

đ) Đối với nhà giáo giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, thời gian làm công tác phong trào thể dục thể thao, huấn luyện quân sự cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên trong trường được tính là thời gian giảng dạy. Hiệu trưởng căn cứ theo thực tế quyết định số giờ chuẩn quy đổi cho phù hợp.

2. Coi thi, chấm thi kết thúc mô-đun, môn học:

a) Coi thi: 01 giờ coi thi được tính bằng 0,3 giờ chuẩn.

b) Chấm thi: thi tự luận, trắc nghiệm được tính 0,1 giờ chuẩn/bài; thi vấn đáp được tính 0,2 giờ chuẩn/học viên, học sinh, sinh viên; thi thực hành được tính 0,2 giờ chuẩn/học viên, học sinh, sinh viên.

3. Soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp:

a) Soạn đề thi: 01 đề tự luận kèm theo đáp án được tính bằng 02 giờ chuẩn; 01 đề thi trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 2,5 giờ chuẩn; 01 đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0,5 giờ chuẩn; 01 đề thi thực hành kèm theo phiếu chấm điểm được tính bằng 1,5 giờ chuẩn.

b) Coi thi: 01 giờ coi thi được tính bằng 0,5 giờ chuẩn.

c) Chấm thi: thi viết tự luận, trắc nghiệm được tính 0,2 giờ chuẩn/bài; thi vấn đáp được tính 0,4 giờ chuẩn/học viên, học sinh, sinh viên; thi thực hành được tính 0,4 giờ chuẩn/học viên, học sinh, sinh viên.

4. Hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có) được tính 15 giờ chuẩn/chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có) được tính 0,5 giờ chuẩn/chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

5. Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất: 1 ngày (8 giờ) được tính bằng 2,5 giờ chuẩn.

6. Tham gia Hội giảng cấp Trường trở lên: 01 tuần tự bồi dưỡng tính bằng 14 giờ; 01 giờ tính bằng 1,5 giờ chuẩn.

7. Bồi dưỡng cho nhà giáo tham gia Hội giảng các cấp; bồi dưỡng cho học viên, học sinh, sinh viên tham gia kỳ thi tay nghề các cấp: 01 giờ luyện tập được tính 1,5 giờ chuẩn.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Phòng Đào tạo và Nghiên cứu khoa học:

a) Lập đề xuất tính giờ hướng dẫn thực tập cho nhà giáo và quy đổi giờ của các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ mà phòng quản lý.

b) Lập đề xuất tính giờ cho nhà giáo đối với các hoạt động bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, thực tập tại doanh nghiệp và các hoạt động làm thiết bị dạy nghề làm cơ sở cho việc tính giờ giảng cho nhà giáo theo học kỳ, năm học.

2. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng thực hiện quy đổi các hoạt động coi thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun theo từng học kỳ; phối hợp với phòng Đào tạo

và Nghiên cứu khoa học trong việc tính giờ giảng cho nhà giáo theo học kỳ, năm học.

3. Phòng Công tác Học sinh – Sinh viên lập đề xuất tính giờ phổ biến nội dung Giáo dục công dân đầu năm học chuyển về Phòng Đào tạo và Nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc tính giờ giảng cho nhà giáo theo học kỳ, năm học.

4. Phòng Tổ chức cán bộ thực hiện công tác tham mưu tính giờ phổ biến pháp luật cho Hội đồng phổ biến pháp luật, chuyển về Phòng Đào tạo và Nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc tính giờ giảng cho nhà giáo theo học kỳ, năm học.

Điều 20. Các quy định khác

Hàng năm, thông qua kết quả của Hội nghị viên chức, Hiệu trưởng sẽ quyết định điều chỉnh Quy định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Văn Phụng